

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/DS-ST

Ngày: 28/6/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Trúc Linh

Bà Trần Thị Kim Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Tiêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2024/TLST – DS ngày 07 tháng 02 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST – DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- Bị đơn:

1/ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1973 (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn H, sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn R trình bày:*

Ngày 30/9/2022, vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L có vay của ông R số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay là 30 ngày, ông T và bà L có viết giấy ký nhận vay tiền ngày 30/9/2022, nội dung biên nhận là do ông Trần Văn H viết, còn ký tên, viết họ tên là của ông T, bà L. Lãi hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 3.000đ/1.000.000đ/ngày. Sau khi vay khoảng 10 ngày thì ông R biết được vợ chồng bà L và ông T bỏ nhà đi. Đến nay bà L và ông T chưa trả được cho ông R khoản tiền nào.

Nay ông R khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L, ông T trả ông R nợ gốc vay là 50.000.000đ, nợ lãi từ ngày 30/9/2022 đến ngày 07/12/2023 là 6.250.000đ. Riêng khoảng thời gian từ ngày 08/12/2023 đến phiên tòa sơ thẩm thì ông R không yêu cầu trả lãi.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H trình bày: Ông H thừa nhận ông H là người giới thiệu vợ chồng ông T vay tiền của ông Nguyễn Văn R, biên nhận vay tiền ngày 30/9/2022 là do ông H viết. Người tên 9 Ruộng trong biên nhận vay tiền là tên thường gọi của ông Nguyễn Văn R.*

**Đối với các bị đơn ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L nhưng ông T, bà L không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án.*

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R, buộc ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L trả ông R số tiền vay gốc là 50.000.000đ và 6.250.000đ tiền lãi, cộng chung là 56.250.000đ; về án phí, ông T và bà L phải nộp án phí theo quy định; hoàn trả ông R số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Văn R khởi kiện ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L để yêu cầu ông T và bà L trả số tiền vốn vay và tiền lãi; bị đơn ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp

đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn R, ông Trần Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định giải quyết vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R về yêu cầu ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L trả số tiền vốn vay 50.000.000đ và tiền lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo “*Giấy ký nhận vay tiền*” ngày 30/9/2022 (BL 50) có nội dung là ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L vay của ông 9 R1 (ông Nguyễn Văn R) số tiền 50.000.000đ, mục đích là để đáo hạn nợ ngân hàng, thời hạn vay là 30 ngày, có chữ ký tên, chữ viết họ tên Phạm Văn T, Nguyễn Thị L.

Ông Nguyễn Văn R cho rằng ngày 30/9/2022 ông R có cho ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L vay số tiền 50.000.000đ là phù hợp với nội dung của Giấy ký nhận vay tiền; còn bị đơn ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ (BL 33-34; 42-43) nhưng ông T và bà L không đến Tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án.

Về tiền lãi: Theo nội dung “*Giấy ký nhận vay tiền*” ngày 30/9/2022 thì giữa ông R, ông T, bà L chỉ thỏa thuận thời hạn vay là 30 ngày, không có thỏa thuận lãi suất vay. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì ông T và bà L có nghĩa vụ trả lãi cho ông R theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm, thời điểm bắt đầu trả lãi là ngày 31/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm nên số tiền lãi ông T và bà L có nghĩa vụ trả cho ông R là 8.301.370đ, làm tròn là 8.301.000đ $\{50.000.000đ \times 10\%/năm \times (từ\ ngày\ 31/10/2022\ đến\ ngày\ 28/6/2024\ là\ 20\ tháng\ 06\ ngày)\}$. Tuy nhiên ông R chỉ yêu cầu ông T và bà L trả 6.250.000đ tiền lãi là có lợi cho ông T, bà L nên được chấp nhận.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R. Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả ông

Nguyễn Văn R tiền vốn vay là 50.000.000đ và 6.250.000đ tiền lãi, tổng cộng là 56.250.000đ.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho ông Nguyễn Văn R là 2.812.500đ ($5\% \times 56.250.000đ$).

[2.3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 288, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R. Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn R số tiền vốn vay là 50.000.000đ, tiền lãi là 6.250.000đ, tổng cộng là 56.250.000đ (năm mươi sáu triệu hai trăm năm chục ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L phải nộp tiền án phí là 2.812.500đ (hai triệu tám trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

2.2. Ông Nguyễn Văn R không phải nộp tiền án phí. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn R số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.406.000đ (một triệu bốn trăm lẻ sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011056 ngày 01/02/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Luân